

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/05/2024

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

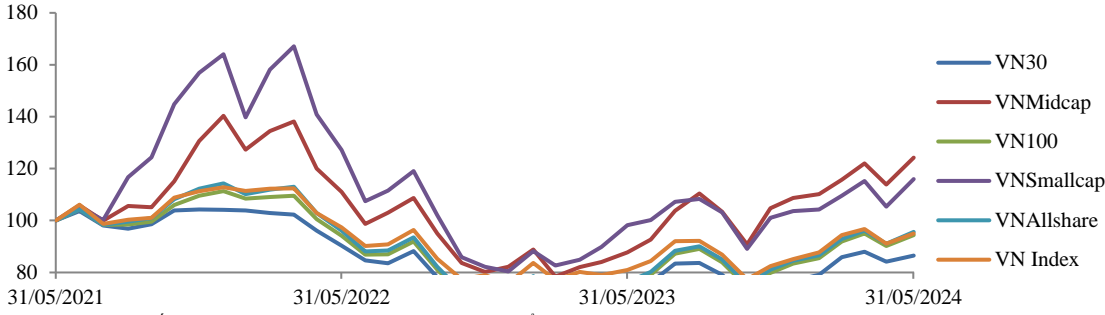
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2021 đến 31/05/2024



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	48.39%	-38.81%	14.75%	5.08%	2.96%	17.95%	25.34%	-4.36%	53.28%	-1.48%	8.92%
VN30	40.65%	-35.52%	8.04%	2.86%	0.81%	17.96%	19.66%	-13.48%	45.61%	-4.71%	7.80%
VNMidcap	72.43%	-42.30%	28.82%	9.09%	7.27%	18.62%	41.57%	24.18%	104.27%	7.49%	15.36%
VN100	45.14%	-37.62%	13.95%	4.75%	2.77%	18.20%	25.93%	-5.56%	51.68%	-1.89%	8.69%
VNSmallcap	97.79%	-51.74%	25.06%	10.07%	5.76%	14.73%	18.08%	15.91%	88.41%	5.05%	13.51%
VN-Index	33.72%	-33.99%	8.24%	4.32%	0.72%	15.32%	17.35%	-4.99%	31.45%	-1.69%	5.62%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	9.53%	10.86%	18.58%	37.51%	47.76%
VN30	9.29%	10.83%	17.67%	36.81%	47.97%
VNMidcap	11.18%	12.65%	22.96%	44.23%	57.37%
VN100	9.66%	11.01%	18.70%	39.56%	49.40%
VNSmallcap	8.84%	10.31%	18.85%	42.08%	49.46%
VN-Index	8.73%	10.13%	16.74%	34.36%	44.81%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	99.16%	98.46%	98.66%	98.78%	98.30%
VN30	97.49%	96.90%	97.61%	97.17%	97.32%
VNMidcap	95.96%	91.72%	92.64%	91.95%	81.07%
VN100	99.05%	98.42%	98.64%	93.27%	95.20%
VNSmallcap	88.54%	84.70%	88.75%	84.52%	83.16%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	275	30	70	100	175
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,800,110	3,535,135	1,008,285	4,543,420	256,690
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,062,135	1,316,288	612,014	1,928,303	133,832
Trung bình	7,365	43,876	8,743	19,283	744
Cao nhất	145,297	145,297	59,388	145,297	5,883
Thấp nhất	0	2,517	620	620	0
Trung vị	1,145	35,862	5,534	7,871	386
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.05%	11.04%	9.70%	7.53%	4.40%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.97%	63.74%	43.24%	43.81%	24.96%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	275
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,800,110
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,062,135
Trung bình	7,365
Cao nhất	145,297
Thấp nhất	0
Trung vị	1,145
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.05%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.97%

Thông tin cơ bản

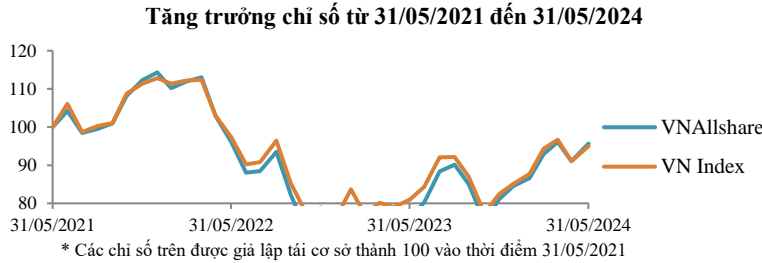
Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	9.53%	10.86%	18.58%	37.51%	47.76%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

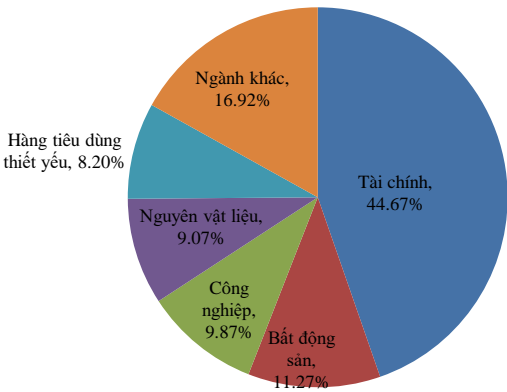
	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	99.16%	98.46%	98.66%	98.78%	98.30%



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VNAllshare	48.39%	-38.81%	14.75%	5.08%	2.96%	17.95%	25.34%	-4.36%	53.28%	-1.48% 8.92%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	145,297	7.05%
2	TCB	Tài chính	107,613	5.22%
3	HPG	Nguyên vật liệu	100,613	4.88%
4	ACB	Tài chính	99,093	4.81%
5	VPB	Tài chính	85,686	4.16%
6	MWG	Hàng tiêu dùng	74,399	3.61%
7	MBB	Tài chính	63,247	3.07%
8	LPB	Tài chính	59,388	2.88%
9	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,801	2.66%
10	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,673	2.65%
Tổng cộng			844,810	40.97%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	37	921,201	44.67%
Bất động sản	37	232,311	11.27%
Công nghiệp	71	203,495	9.87%
Nguyên vật liệu	43	187,076	9.07%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	21	169,068	8.20%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

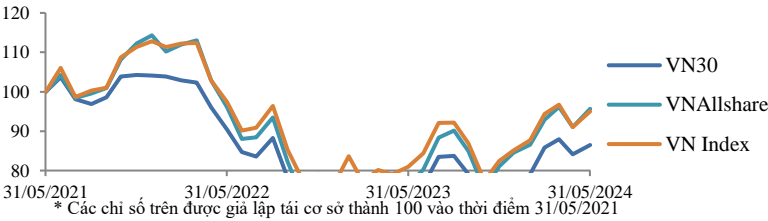


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,535,135
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,316,288
Trung bình	43,876
Cao nhất	145,297
Thấp nhất	2,517
Trung vị	35,862
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	11.04%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	63.74%

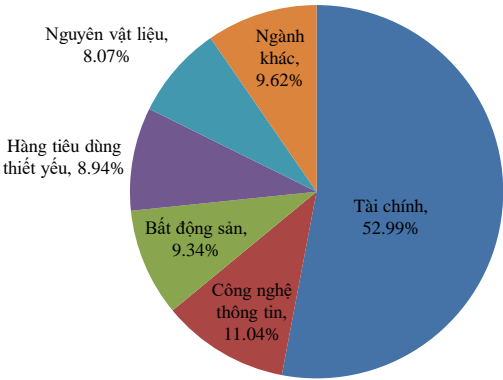
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2021 đến 31/05/2024



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VN30	40.65%	-35.52%	8.04%	2.86%	0.81%	17.96%	19.66%	-13.48%	45.61%	-4.71% 7.80%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	697,450	52.99%
Công nghệ thông tin	1	145,297	11.04%
Bất động sản	4	122,993	9.34%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	117,700	8.94%
Nguyên vật liệu	2	106,237	8.07%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	9.29%	10.83%	17.67%	36.81%	47.97%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	97.49%	96.90%	97.61%	97.17%	97.32%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	145,297	11.04%
2	TCB	Tài chính	107,613	8.18%
3	HPG	Nguyên vật liệu	100,613	7.64%
4	ACB	Tài chính	99,093	7.53%
5	VPB	Tài chính	85,686	6.51%
6	MWG	Hàng tiêu dùng	74,399	5.65%
7	MBB	Tài chính	63,247	4.80%
8	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,801	4.16%
9	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,673	4.15%
10	VCB	Tài chính	53,611	4.07%
Tổng cộng			839,033	63.74%

Lưu ý: "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,008,285
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	612,014
Trung bình	8,743
Cao nhất	59,388
Thấp nhất	620
Trung vị	5,534
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.70%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	43.24%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

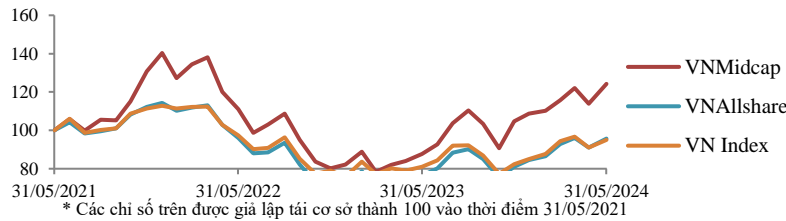
Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	11.18%	12.65%	22.96%	44.23%	57.37%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	95.96%	91.72%	92.64%	91.95%	81.07%

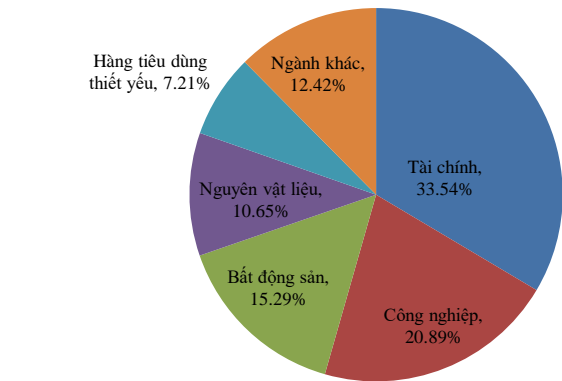
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2021 đến 31/05/2024



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VNMidcap	72.43%	-42.30%	28.82%	9.09%	7.27%	18.62%	41.57%	24.18%	104.27%	7.49%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	LPB	Tài chính	59,388	9.70%
2	EIB	Tài chính	31,257	5.11%
3	DGC	Nguyên vật liệu	28,711	4.69%
4	PNJ	Hàng tiêu dùng	25,132	4.11%
5	MSB	Tài chính	24,310	3.97%
6	GMD	Công nghiệp	23,417	3.83%
7	VND	Tài chính	20,323	3.32%
8	KBC	Bất động sản	18,077	2.95%
9	KDH	Bất động sản	17,361	2.84%
10	OCB	Tài chính	16,670	2.72%
Tổng cộng			264,646	43.24%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	205,244	33.54%
Công nghiệp	18	127,859	20.89%
Bất động sản	13	93,554	15.29%
Nguyên vật liệu	9	65,177	10.65%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	44,155	7.21%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

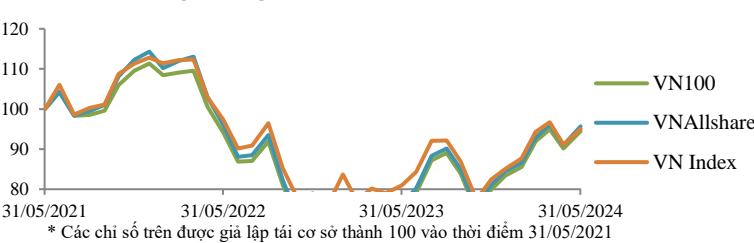


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,543,420
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,928,303
Trung bình	19,283
Cao nhất	145,297
Thấp nhất	620
Trung vị	7,871
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.53%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	43.81%

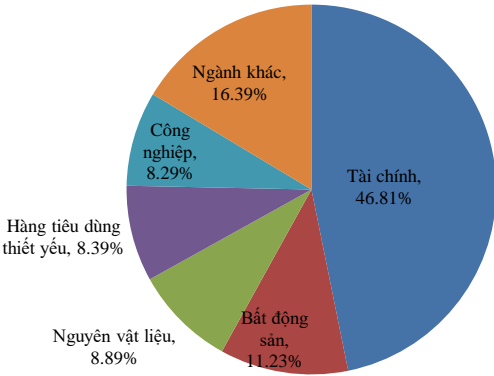
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2021 đến 31/05/2024



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	45.14%	-37.62%	13.95%	4.75%	2.77%	18.20%	25.93%	-5.56%	51.68%	-1.89%	8.69%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	26	902,693	46.81%
Bất động sản	17	216,547	11.23%
Nguyên vật liệu	11	171,414	8.89%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	161,854	8.39%
Công nghiệp	19	159,763	8.29%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	9.66%	11.01%	18.70%	39.56%	49.40%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	99.05%	98.42%	98.64%	93.27%	95.20%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	145,297	7.53%
2	TCB	Tài chính	107,613	5.58%
3	HPG	Nguyên vật liệu	100,613	5.22%
4	ACB	Tài chính	99,093	5.14%
5	VPB	Tài chính	85,686	4.44%
6	MWG	Hàng tiêu dùng	74,399	3.86%
7	MBB	Tài chính	63,247	3.28%
8	LPB	Tài chính	59,388	3.08%
9	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,801	2.84%
10	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	54,673	2.84%
Tổng cộng			844,810	43.81%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

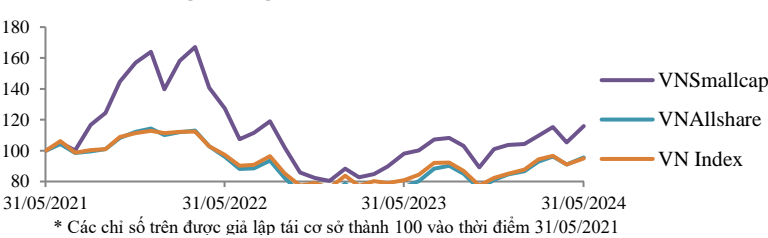


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	175
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	256,690
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	133,832
Trung bình	744
Cao nhất	5,883
Thấp nhất	0
Trung vị	386
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.40%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	24.96%

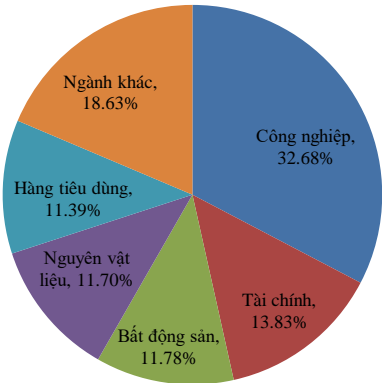
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2021 đến 31/05/2024



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2021	2022	2023	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VNSmallcap	97.79%	-51.74%	25.06%	10.07%	5.76%	14.73%	18.08%	15.91%	88.41%	5.05% 13.51%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	52	43,732	32.68%
Tài chính	11	18,507	13.83%
Bất động sản	20	15,764	11.78%
Nguyên vật liệu	32	15,661	11.70%
Hàng tiêu dùng	23	15,239	11.39%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	8.84%	10.31%	18.85%	42.08%	49.46%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	88.54%	84.70%	88.75%	84.52%	83.16%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VSC	Công nghiệp	5,883	4.40%
2	ORS	Tài chính	4,388	3.28%
3	TDM	Dịch vụ tiện ích	3,850	2.88%
4	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,530	2.64%
5	BAF	Hàng tiêu dùng thiết yếu	2,970	2.22%
6	IJC	Công nghiệp	2,786	2.08%
7	SAM	Công nghiệp	2,724	2.04%
8	HAH	Công nghiệp	2,700	2.02%
9	PET	Công nghiệp	2,417	1.81%
10	LCG	Công nghiệp	2,162	1.62%
Tổng cộng			33,410	24.96%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float):

 Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản:

 Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare:

 Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100:

 Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap:

 Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

